1. **Tân từ**

Thiết kế CSDL cho việc quản lý tour du lịch của một công ty du lịch

Mỗi đại lý của công ty có nhiều nhân viên làm việc, nhưng một nhân viên chỉ thuộc về một đại lý.

Mỗi đại lý có một mã số đại lý để phân biệt các đại lý với nhau. Thông tin về đại lý gồm mã số đại lý, tên đại lý, địa chỉ, số điện thoại, mã người quản lý. Mỗi đại lý chỉ có một người quản lý.

Mỗi chức vụ gồm mã chức vụ để phân biệt . Thông tin chức vụ gồm mã chức vụ để phân biệt, tên chức vụ. Mỗi chức vụ có nhiều nhân viên làm ở vai trò đó.

Mỗi nhân viên có mã số nhân viên để phân biệt. Thông tin nhân viên có mã số nhân viên, tên nhân viên, ngày sinh, giới tính, địa chỉ, số điện thoại, mã số chức vụ đang làm, mã số đại lý nơi nhân viên đang làm. Mỗi nhân viên có thể được phân công đi nhiều tour, và chỉ thuộc 1 đại lý.

Mỗi tour có mã số tour để phân biệt. Thông tin về tour có mã số tour, tên tour, ngày bắt đầu, ngày kết thúc, mã số địa điểm tham quan, mã số khách sạn, mã số phương tiện di chuyển. Mỗi tour sẽ có nhiều nhân viên tham gia dẫn tour.

Mỗi địa điểm du lịch có mã địa điểm để phân biệt. Thông tin địa điểm du lịch có mã địa điểm, địa chỉ, tên địa điểm. Mỗi địa điểm du lịch có nhiều tour đến ghé thăm.

Mỗi khách sạn có mã khách sạn để phần biệt. Thông tin khách sạn có mã khách sạn, tên khách sạn, địa chỉ, số điện thoại, số sao. Mỗi khách sạn sẽ có nhiều tour đến đăng ký nghỉ ngơi.

Mỗi phương tiện có mã phương tiện để phân loại. Thông tin phương tiện có mã phương tiện, tên phương tiện, loại phương tiện, hiện trạng, số chỗ ngồi. Mỗi phương tiện có thể được nhiều tour sử dụng.

Mỗi phân công sẽ có mã số nhân viên, mã số tour để phân biệt. Thông tin phân công gồm mã số nhân viên, mã số tour.

Mỗi vé được phân biệt bằng mã số vé. Thông tin vé gồm có mã số vé, mã số tour, giá vé. Mỗi vé sẽ được nhiều lượt đăng ký, mỗi vé chỉ đi được 1 tour.

Mỗi quốc tịch được phân biệt bằng mã quốc tịch. Thông tin quốc tịch gồm mã quốc tịch, tên quốc tịch. Một quốc tịch có thể có nhiều khách hàng.

Mỗi khách hàng có mã khách hàng để phân biệt. Thông tin khách hàng gồm mã khách hàng, họ và tên, năm sinh, giới tính, mã quốc tịch, số CMND, địa chỉ và số điện thoại. Mỗi khách hàng chỉ mang 1 quốc tịch, và có thể đăng ký nhiều tour.

Mỗi giao dịch đăng ký vé được phân biệt bằng mã số vé, mã đại lý và mã số khách hàng. Thông tin đăng ký gồm mã số khách hàng, mã số đại lý, mã số vé, ngày đăng ký, tiền trả, tiền thừa. Mỗi lần đăng ký chỉ có một khách hàng, một vé, một đại lý bán vé.

1. **Danh sách câu truy vấn C#**
2. Ở từng đại lý hãy liệt kê các nhân viên theo thứ tự tăng dần mã số nhân viên mà có số lần dẫn tour lớn hơn 1, và liệt kê các tour đó ra.
3. Ở đại lý Giang Tiến đã bán ra những vé nào, vé đó đi tuor nào, và đã bán được bao nhiêu vé, sắp xếp theo số lượng vé đã bán?
4. Liệt kê số các tour theo từng phương tiện, và từng tour có bao nhiêu khách, liệt kê họ tên và số điện thoại của họ?
5. Những khách sạn nào có người Việt Nam đến nghỉ ngơi, có bao nhiêu người, liệt kê các thông tin họ tên, CMND, sđt của người đó ra theo từng khách sạn?
6. Nhân viên có nhiệm vụ dẫn các Tour Bà Nà Hills là gồm những ai? In thông tin họ tên và sđt nhân viên đó.
7. Những nhân viên nào không được phân công đi dẫn tour, và nhân viên đó làm ở đại lý nào?
8. In ra thông tin người làm quản lý ở đại lý Hưng Nguyễn ở Thái Bình.
9. Liệt kê tên các tỉnh có địa điểm du lịch, tìm số lượng địa điểm du lịch và tên các địa điểm du lịch đó theo từng tỉnh.
10. Liệt kê các khách hàng có ngày đăng ký trước ngày 1/11/2020 theo từng tour và thông báo số lượng khách.
11. Liệt kê tên khách hàng, mã vé mà có giá đắt nhất đã bán ở từng đại lý.
12. Liệt kê tour du lịch, số lượng khách hàng và danh sách khách hàng đi tour du lịch đó.
13. Liệt kê danh sách tour du lịch và phương tiện di chuyển của tour đó và khách sạn được tour đó chọn và địa điểm du lịch mà tour đó sẽ đến.
14. Liệt kê danh sách nhân viên nam trên 20 tuổi.
15. Tìm vé rẻ nhất. In ra thông tin vé đó.
16. Sắp xếp danh sách khách hàng theo bảng chữ cái.
17. Tìm địa điểm du lịch có lượt khách tham quan nhiều nhất.
18. Liệt kê chức vụ và danh sách nhân viên giữ chức vụ đó.
19. Tìm tour du lịch có khoảng thời gian du lịch dài nhất.
20. Liệt kê danh sách vé có khách sạn lớn hơn hoặc bằng 3 sao để nghỉ dưỡng, in ra mã số vé, giá bán, tên khách sạn và số sao của khách sạn đó.
21. Liệt kê các khách hàng cùng mua 1 loại vé và có cùng 1 địa chỉ nơi ở.
22. Liệt kê khách sạn theo thứ tự chữ cái đầu.
23. Liệt kê các khách sạn theo từng số sao.
24. Liệt kê tên tour có loại vé với giá nhỏ hơn 5000000 với giá vé tăng dần và tên khách hàng mua vé đó.
25. Hãy cho biết mỗi khách sạn có bao nhiêu tour đặt.
26. Tìm tên tour có địa điểm ở Quảng Nam.
27. Tìm tour có giá vé lớn hơn bằng 6000000 và có địa chỉ ở Đà Nẵng.
28. Các tour có phương tiện có sức chứa trên 50 chỗ.
29. Liệt kê thông tin từng đại lý với thông tin quản lý và từng nhân viên trong đại lý đó.
30. Liệt kê danh sách Tour khởi hành từ ngày 14/05/2022.
31. Liệt kê từng tên tour và tên địa điểm mà tour đó sẽ đến.
32. **Danh sách câu truy vấn Java**
33. Tìm danh sách họ tên các khách hàng theo thứ tự tên khách hàng có quốc tịch Trung Quốc và đã đăng ký tour 2 lần, sau đó in tên khách sạn họ nghỉ ngơi, tên tour họ đi.
34. Danh sách các tour đi bằng các phương tiện trên 200 chỗ ngồi và số ghế còn trống.
35. Danh sách các nhân viên được dẫn tour bao gồm những tour nào, sắp xếp theo thứ tự mã nhân viên tăng dần.
36. Các đại lý có số nhân viên lớn hơn 2 và số lượt bán lớn hơn 1 đã bán vé cho những khách hàng nào?
37. Các tour có số lượng người đi lớn hơn 2 gồm có những khách hàng nào mang quốc tích Việt Nam.
38. Liệt kê danh sách nhân viên nam trên 20 tuổi.
39. Tìm vé rẻ nhất. In ra thông tin vé đó.
40. Sắp xếp danh sách khách hàng theo bảng chữ cái.
41. Liệt kê tour du lịch có khách sạn 5 sao để nghỉ dưỡng.
42. Liệt kê chức vụ có số nhân viên làm lớn hơn 1 và danh sách nhân viên nam giữ chức vụ đó.
43. Tìm tên tour có mã số tour.
44. Liệt kê theo tour theo từng khách sạn.
45. Tìm tour có giá vé lớn hơn bằng 6000000 và nằm ở địa điểm du lịch Đà Nẵng.
46. Tìm tour có sử dụng phương tiện có sức chứa lớn hơn hoặc bằng 50 chỗ.
47. Liệt kê tên tour và tên địa điểm tour đó sẽ đến.
48. **Bảng quan hệ**

**BẢNG QUAN HỆ CƠ SỞ(ENTITY REALTIONS)**

1. **DAILY**(**MaSoDL(PK)**,TenDL,DiaChi,Sdt,**MaNgQL(FK),MaSoNV(FK)**)
2. **NHANVIEN**(**MaSoNV(PK),**TenNV,NgaySinh,GioiTinh,DiaChi,Sdt,**MaSoCV(FK),MaSoDL(FK)**)
3. **CHUCVU**(**MaSoCV(PK),**TenCV)
4. **VE**(**MaSoVe(PK), MaSoTour(FK)**,Gia)
5. **KHACHHANG**(**MaSoKH(PK),**HoVaTenLot,Ten,NamSinh,GioiTinh,**MaQG(FK)**,CMND,DiaChi,Sdt)
6. **DIADIEMDULICH**(**MaSoDD(PK),**TenDD,DiaChi)
7. **TOUR**(**MaSoTour(PK)**,TenTour,NgayBatDau,NgayKetThuc,**MaSoDD(FK)**,**MaSoKS(FK)**,**MaSoPT(FK)**)
8. **KHACHSAN**(**MaSoKS(PK)**,TenKS,DiaChi,SoSao)
9. **PHUONGTIEN**(**MaSoPT(PK),**TenPT,LoaiPT,HienTrang,SucChua)
10. **QUOCTICH**(**MaQG(PK)**,TenQG)

**BẢNG QUAN HỆ LIÊN KẾT(RELATIONSHIP|REALTIONS)**

1. **DANGKY([MaSoKH,MaSoVe,MaSoDL](PK)**)
2. **PHANCONG([MaSoNV,MaSoTour](PK)**)